TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG LÔ
TỈNH VĨNH PHÚC
Bản án số: 02/2018/DS-ST
Ngày 20 tháng 8 năm 2018
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ,TỈNH VINH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Huệ
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông Hà Quý Châm
2. Bà Nguyễn Thị Hưng

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị Kim Dung

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thanh Hường, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Sông Lô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2018/TLST – DS ngày 19 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST - DS ngày 11 tháng 6 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2018/QĐST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2018/QĐST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Lê Quang L, sinh năm 1952, (vắng mặt)
2.Bị đơn: Ông Đào Quốc H (Đào Mạnh H), sinh năm 1967, (vắng mặt)
3.Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1956, (có mặt)
-Bà Bùi Thị N, sinh năm 1967, (vắng mặt)
Đều cư trú: thôn N, xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 3 năm 2018, những lời khai tiếp theo nguyên đơn ông Lê Quang L vắng mặt tại phiên tòa quá trình giải quyết vụ án ông trình bày:

Ông có quan hệ với ông Đào Quốc H là hàng xóm với nhau. Năm 2014 ông cho ông H vay làm nhiều lần tổng số tiền là 13.500.000đ. Khi ông cho vay có viết giấy tờ và không thỏa thuận lãi suất, ông H hẹn hết năm 2014 sẽ trả cho ông số tiền trên, nhưng ông H không trả mặc dù ông đã đòi nhiều lần. Nay ông yêu cầu ông H trả cho ông số tiền gốc là 13.500.000đ và lãi suất 1%/tháng kể từ thời điểm vay đến nay là 5.130.000đ. Tổng cộng là 18.630.000đ. Quá trình giải quyết ông xác nhận năm 2014 ông H vay ông nhiều lần tổng 13.000.000đ,

khi vay có viết giấy tờ và không thỏa thuận lãi suất, khi cho vay ông H hẹn đến hết năm 2014 sẽ trả cho ông nhưng ông H không trả và lại hẹn tiếp đến hết năm 2015 thì trả toàn bộ gốc cho ông và trả thêm lãi suất là 1%/tháng. Ngày 13/10/2016 thôn N có hòa giải việc ông cho ông H vay tiền và có thống nhất trốt lại nợ tháng 3 (âm lịch) năm 2016 tức tháng 5/2016 (dương lịch) ông H trả cho ông nhưng từ đó đến nay ông H không trả cho ông ít tiền gốc và lãi suất nào. Nay ông yêu cầu ông H trả lại cho ông 13.000.000đ tiền gốc và ông không yêu cầu ông H trả tiền lãi cho ông.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà có quan hệ là vợ ông L và là hàng xóm với ông H. Vào năm 2014 ông L cho ông H vay làm nhiều lần tổng cộng là 13.000.000đ. Khi cho vay tiền có lần bà chứng kiến việc cho vay, có lần bà nghe ông L nói lại mới biết. Khi cho vay ông L đều viết giấy tờ và không thỏa thuận lãi suất. Nguồn gốc số tiền cho vay là do vợ chồng bà làm tích cóp được. Bà nghe ông L nói lại là ông H hẹn đến hết năm 2014 thì trả lại tiền cho vợ chồng bà nhưng ông H không trả mặc dù vợ chồng bà đã đòi nợ nhiều lần. Ngày 13/10/2016 thôn N có hòa giải việc ông L cho ông H vay tiền và có thống nhất trốt lại nợ tháng 3 (âm lịch) năm 2016 tức tháng 5/2016 (dương lịch) ông H trả cho ông L nhưng từ đó đến nay ông H không trả cho ông L ít tiền gốc và lãi suất nào. Nay bà yêu cầu ông H trả lại cho ông bà 13.000.000đ tiền gốc và bà không yêu cầu ông H trả tiền lãi suất.

Bị đơn ông Đào Quốc H vắng mặt tại phiên tòa trong quá trình giải quyết ông trình bày: Ông có quan hệ là hàng xóm với ông L, năm 2014 ông có vay ông L tổng số tiền 13.000.000đ, vay làm nhiều lần. Khi vay đều viết giấy tờ không thỏa thuận lãi suất. Toàn bộ các giấy tờ vay nợ ông L nộp tại Tòa án đều là chữ ký của ông. Khi vay không hẹn thời điểm trả nợ. Đến khoảng tháng 6, tháng 7/2016 ông đã trả tiền cho ông L tổng là 18.000.000đ trong đó có 13.000.000đ ông vay và ông cho thêm 5.000.000đ, sau khi trả nợ ông không viết giấy tờ gì. Nay ông L khởi kiện yêu cầu ông trả lại cả gốc và lãi suất là 18.630.000đ ông không đồng ý vì ông đã trả cho ông L. Ngoài ra ông vay tiền của ông L mục đích sử dụng riêng không liên quan gì đến vợ ông. Hiện nay vợ ông đi làm xa nhà không có mặt ở địa phương thỉnh thoảng mới về nhà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị N vắng mặt tại phiên tòa, quá trình giải quyết bà trình bày: Bà có quan hệ là vợ của ông H. Việc vay nợ giữa ông H và ông L bà không biết, không liên quan gì. Ông H vay tiền của ông L sử dụng vào việc gì bà không biết ông H không sử dụng vào việc chung trong gia đình.Nay ông L đề nghị ông H trả nợ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Qua xác minh tại Uỷ ban nhân dân xã Đ ông Đào Quốc H và bà Bùi Thị N là vợ chồng, việc ông L cho ông H vay tiền địa phương không biết. Hiện nay bà N, ông H vẫn có mặt tại địa phương. Nay ông L yêu cầu ông H trả tiền cho ông L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lê Quang L. Buộc ông Đào Quốc H trả cho ông Lê Quang L, bà Nguyễn Thị B 13.000.000đ tiền gốc và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang L đối với ông Đào Quốc H.

Về án phí ông Đào Quốc H phải chịu theo quy địnhcủa pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa ông Lê Quang L và ông Đào Quốc H là quan hệ dân sự, các bên không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật và thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Thời hiệu khởi kiện và quan hệ tranh chấp: Từ năm 2014 đến năm 2015 ông L cho ông H vay tiền nhiều lần và đều viết giấy biên nhận vay tiền hẹn hết năm 2015 trả các bên tự ký giấy vay tiền. Hình thức và nội dung phù hợp theo quy định của pháp luật. Ông L, bà B yêu cầu ông H trả cho ông bà 13.000.000đ tiền gốc và không yêu cầu ông H phải trả lãi suất.Theo biên bản hòa giải ngày 13/10/2016 thôn N hòa giải việc ông L cho ông H vay tiền và có thống nhất tháng 3 (âm lịch) năm 2016 tức tháng 5/2016 (dương lịch) ông H trả cho ông L, nhưng từ đó đến nay ông H không trả được. Xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản hợp pháp, theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về thời hiệu khởi kiện: Đến tháng 5/2016 ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ do vậy quyền và lợi ích hợp pháp của ông L bị xâm phạm. Do đó, việc ông L nộp đơn khởi kiện và được thụ lý vào ngày 19/3/2018 vẫn trong thời hiệu khởi kiện.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Lê Quang L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Đào Quốc H vắng mặt lần hai không có lý do, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L, ông H, bà N. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ thủ tục phiên tòa cho ông L, ông H, bà N theo đúng quy định của pháp luật đến lần thứ hai nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt

nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Về nội dung: Quá trình giải quyết ông L, bà B vẫn giữ nguyên yêu cầu tòa án buộc ông H phải trả cho ông bà số tiền 13.000.000đ tiền gốc và không yêu cầu trả lãi suất. Bị đơn ông Đào Quốc H quá trình giải quyết ông cũng thừa nhận việc vay tiền của ông L 13.000.000đ tiền gốc và xác định khoảng tháng 6, tháng 7/2016 đã trả cho ông L 18.000.000đ trong đó có 13.000.000đ tiền gốc và cho ông L 5.000.000đ. Nay ông L yêu cầu ông trả tiền ông không đồng ý. Quá trình giải quyết ông cũng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh việc ông đã trả tiền cho ông L. Do vậy yêu cầu khởi kiện của ông L là hoàn toàn có căn cứ nên chấp nhận. Quá trình giải quyết ông H xác định đó là khoản nợ riêng của ông không phải của gia đình vợ con ông, bà N cũng xác định là khoản nợ riêng của ông H nên cần buộc ông H có trách nhiệm trả cho ông L, bà B 13.000.000đ tiền gốc là phù hợp với Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Việc ông L, bà B không yêu cầu ông H trả lãi suất là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ngoài ra trong đơn khởi kiện ông L yêu cầu ông H trả cho ông số tiền gốc là 13.500.000đ và lãi suất 1%/tháng kể từ thời điểm vay đến nay là 5.130.000đ. Tổng 18.630.000đ. Ngày 18/5/2018 Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải ông L chỉ yêu cầu ông H trả cho ông 13.000.000đ tiền gốc và không yêu cầu ông H trả lãi suất là tự nguyện. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông L yêu cầu ông H trả cho ông 500.000đ tiền gốc và 5.130.000đ tiền lãi và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông L đối với ông H theo quy định tại Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Quang L là người cao tuổi, ông L được miễn tiền tạm ứng án phí căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết: 326/2014/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Đào Quốc H có trách nhiệm trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang L.

Buộc ông Đào Quốc H (Đào Mạnh H) phải trả cho ông Lê Quang L, bà Nguyễn Thị B số tiền 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày người đề nghị có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị đề nghị không tự nguyện thi hành khoản tiền nói trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản

tiền lãi theo mức lãi suất được xác định bằng 50% của mức lãi suất 20%/năm của số tiền chưa trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang L yêu cầu ông Đào Quốc H (Đào Mạnh H) trả cho ông 500.000đ tiền gốc và 5.130.000đ tiền lãi.

2. Về án phí: Ông Đào Quốc H (Đào Mạnh H) phải chịu 650.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Toà án cấp trên để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyến kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao nhận bản án hoặc niêm yết tại Uỷ ban nhân dân xã nơi cư trú của người vắng mặt.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Sông Lô;*
- *Chi cục THADS huyện Sông Lô;*
- *UBND xã Đức Bác;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Huệ